

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Bảng số liệu đánh giá chất lượng sản phẩm bằng điểm số 1, 2, 3, 4, 5 của một lô hàng gồm 20 sản phẩm như sau:

Điểm	1	2	3	4	5
Số thập phân	0	0	3	5	12

Đối tượng thống kê là:

- A. Các điểm số: 1, 2, 3, 4, 5. B. Các điểm số: 1, 2, 3,
C. Các điểm số: 3, 4, 5 D. Các điểm số: 1, 2, 3, 4.

Câu 2. Hai trường A và B đã tổ chức ngày hội thể thao nhân kỉ niệm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Biểu đồ cột kép ở Hình 6 biểu diễn số huy chương Vàng, Bạc và Đồng của hai trường. Tổng số huy chương các loại (Vàng, Bạc, Đồng) của hai trường A và B là:

- A. 27 (huy chương) B. 58 (huy chương)
C. 57 (huy chương) D. 55 (Huy chương)

Câu 3. Biết $\frac{10}{16} = \frac{5}{?}$. Thay dấu ? bằng số thích hợp.

- A. 11. B. -1.
C. 8. D. 2.

Câu 4. Trong các phân số $\frac{1}{4}; \frac{-1}{4}; \frac{-2}{4}; \frac{2}{4}$ phân số

bằng phân số $\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{1}{4}$. B. $\frac{-1}{4}$. C. $\frac{-2}{4}$. D. $\frac{2}{4}$.

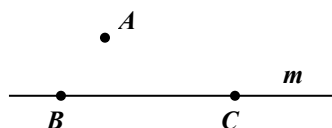
Câu 5. Rút gọn phân số $\frac{8}{16}$ ta được phân số tối giản là

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{1}{8}$ D. $\frac{4}{8}$

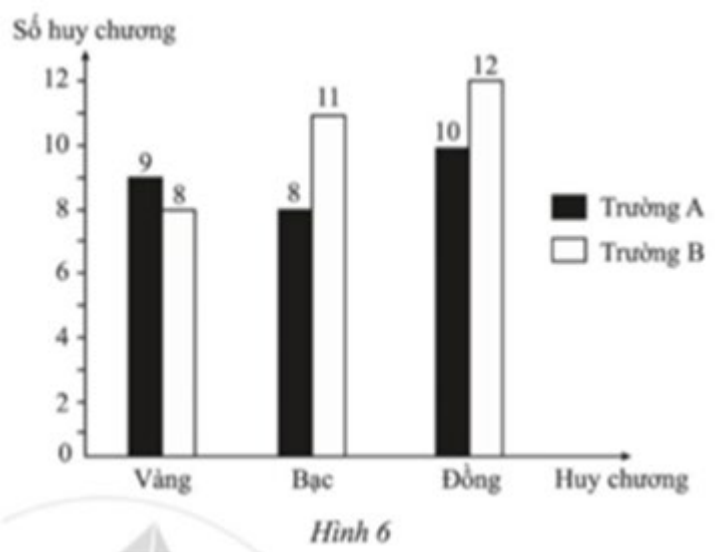
Câu 6. Số nguyên x thỏa mãn $\frac{35}{15} = \frac{x}{3}$ là

- A. $x = 5$. B. $x = 7$. C. $x = 6$. D. $x = 8$.

Câu 7. Cho hình 1, chọn khẳng định đúng:



Hình 1



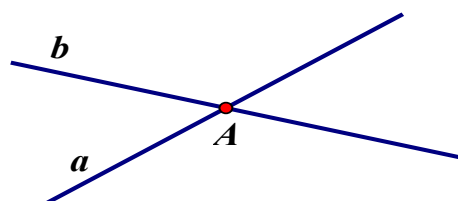
- A. $A \in m$. B. $B \notin m, C \notin m$. C. $B \in m, C \in m$. D. $A \in m, B \in m$.

Câu 8. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B ?

- A. Có hai đường thẳng. B. Không có đường thẳng nào.
C. Có vô số đường thẳng. D. Có một đường thẳng.

Câu 9. Trong hình 1, hai đường thẳng a và b :

- A. cắt nhau
B. trùng nhau
C. song song
D. vuông góc.



Hình 1

Câu 10. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng:

- A. có một điểm chung. B. không có điểm chung nào.
C. có nhiều điểm chung. D. có hai điểm chung.

Câu 11. Hình gồm 2 điểm M và N và tất cả các điểm nằm giữa M và N được gọi là

- A. tia MN B. đường thẳng MN
C. đoạn thẳng MN D. Đáp án khác

Câu 12. M là một điểm bất kì trên đoạn thẳng AB . Câu nào dưới đây đúng?

- A. Điểm M phải trùng với A
B. Điểm M phải trùng với B
C. Điểm M phải nằm giữa hai điểm A và B
D. Điểm M hoặc trùng với A , hoặc trùng với B hoặc nằm giữa A và B

II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13.

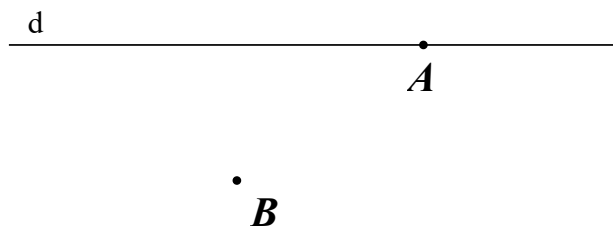
a) Nếu gieo một con xúc xắc 18 lần liên tiếp, có 3 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là $\frac{1}{6}$.

b) Nếu tung một đồng xu 12 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng $\frac{7}{12}$.

c) Nếu tung một đồng xu 27 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S bằng $\frac{5}{9}$.

d) Nếu gieo một xúc xắc 21 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt 5 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm bằng $\frac{5}{21}$.

Câu 14: Cho hình vẽ dưới đây



- a) Điểm A không thuộc đường thẳng d
b) Điểm B thuộc đường thẳng d
c) Điểm A thuộc đường thẳng d
d) Điểm A không thuộc đường thẳng d , điểm B không thuộc đường thẳng d

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15: Gieo con súc sắc có 6 mặt 100 lần, kết quả thu được ghi ở bảng sau

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	17	18	15	14	16	20

Xác suất của thực nghiệm của các sự kiện gieo được mặt có 6 chấm là

Câu 16: Tung hai đồng xu cân đối 50 lần ta được kết quả như sau:

Sự kiện	Hai đồng sấp	Một đồng sấp, một đồng ngửa	Hai đồng ngửa
Số lần	20	20	10

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Hai đồng xu đều sấp” là

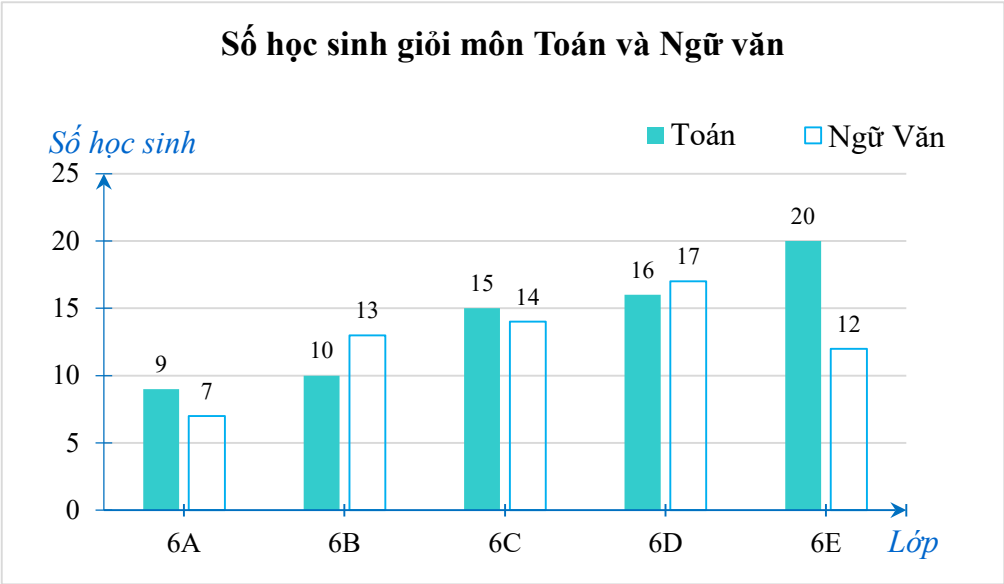
Câu 17: Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{-3}{7}$ với số nào để được phân số $\frac{45}{-105}$

Câu 18: Tìm số nguyên x thỏa mãn : $\frac{6}{-7} < \frac{x}{7} < \frac{-4}{7}$.

B. Tự luận (3 điểm). Thí sinh làm bài từ câu 13 đến câu 15.

Câu 19: (1,0đ)

Biểu đồ dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Ngữ văn của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E.



a) Số học sinh giỏi môn Toán của lớp nào nhiều nhất? Ít nhất?

b) Lớp nào có nhiều học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán?

Câu 20: (1,0đ)

Mai gieo con xúc xắc 80 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	12	15	14	18	10	11

Tính xác suất thực nghiệm:

a) xuất hiện số chấm là 5.

b) xuất hiện số chấm là số chẵn.

Câu 21: (1,0đ)

a/ Tìm số nguyên x, biết $\frac{x}{-2} = \frac{-1}{2}$

b/ Tính: $\frac{3}{-5} + \frac{-1}{2}$

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Bảng số liệu đánh giá chất lượng sản phẩm bằng điểm số 1, 2, 3, 4, 5 của một lô hàng gồm 20 sản phẩm như sau:

Điểm	1	2	3	4	5
Số thập phân	0	0	3	5	12

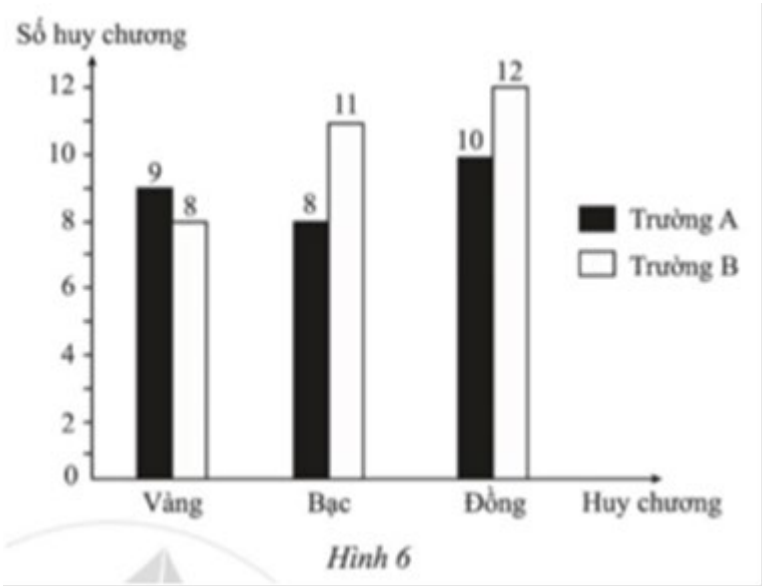
Đối tượng thống kê là:

- A. Các điểm số: 1, 2, 3, 4.
- B. Các điểm số: 1, 2, 3,
- C. Các điểm số: 3, 4, 5
- D. Các điểm số: 1, 2, 3, 4, 5.

Câu 2. Hai trường A và B đã tổ chức ngày hội thể thao nhân kỉ niệm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Biểu đồ cột kép ở Hình 6 biểu diễn số huy chương Vàng, Bạc và Đồng của hai trường.

Tổng số huy chương các loại (Vàng, Bạc, Đồng) của hai trường A và B là:

- A. 27 (huy chương)
- B. 57 (huy chương)
- C. 58 (huy chương)
- D. 55 (Huy chương)



Câu 3. Biết $\frac{10}{16} = \frac{5}{?}$. Thay dấu ? bằng số thích hợp.

- A. 11 .
- B. 8.
- C. -1.
- D. 2 .

Câu 4. Trong các phân số $\frac{1}{4}; \frac{-1}{4}; \frac{-2}{4}; \frac{2}{4}$ phân số bằng phân số $\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{2}{4}$.
- B. $\frac{-1}{4}$.
- C. $\frac{-2}{4}$.
- D. $\frac{1}{4}$.

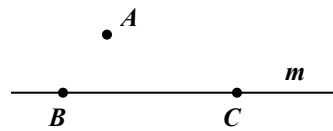
Câu 5. Rút gọn phân số $\frac{8}{16}$ ta được phân số tối giản là

- A. $\frac{4}{8}$
- B. $\frac{1}{4}$
- C. $\frac{1}{8}$
- D. $\frac{1}{2}$

Câu 6. Số nguyên x thỏa mãn $\frac{35}{15} = \frac{x}{3}$ là

- A. $x = 5$.
- B. $x = 6$.
- C. $x = 7$.
- D. $x = 8$.

Câu 7. Cho hình 1, chọn khẳng định đúng:



Hình 1

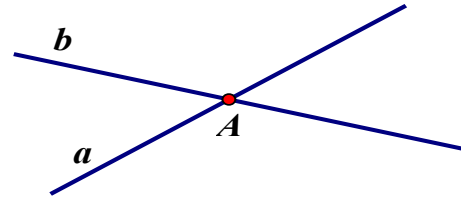
- A. $A \in m$. B. $B \in m, C \in m$. C. $B \notin m, C \notin m$. D. $A \in m, B \in m$.

Câu 8. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B ?

- A. Có một đường thẳng. B. Không có đường thẳng nào.
C. Có vô số đường thẳng. D. Có hai đường thẳng.

Câu 9. Trong hình 1, hai đường thẳng a và b :

- A. vuông góc
B. trùng nhau
C. song song
D. cắt nhau.



Hình 1

Câu 10. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng:

- A. có một điểm chung. B. có nhiều điểm chung.
C. không có điểm chung nào. D. có hai điểm chung.

Câu 11. Hình gồm 2 điểm M và N và tất cả các điểm nằm giữa M và N được gọi là

- A. tia MN B. đoạn thẳng MN
C. đường thẳng MN D. Đáp án khác

Câu 12. M là một điểm bất kì trên đoạn thẳng AB . Câu nào dưới đây đúng?

- A. Điểm M hoặc trùng với A , hoặc trùng với B hoặc nằm giữa A và B
B. Điểm M phải trùng với B
C. Điểm M phải nằm giữa hai điểm A và B
D. Điểm M phải trùng với A

II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý $a)$, $b)$, $c)$, $d)$ ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13.

- a) Nếu gieo một con xúc xắc 18 lần liên tiếp, có 9 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là $\frac{1}{6}$.
b) Nếu tung một đồng xu 12 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng $\frac{7}{12}$.
c) Nếu tung một đồng xu 27 lần liên tiếp, có 3 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S bằng $\frac{5}{9}$.
d) Nếu gieo một xúc xắc 25 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt 5 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm bằng $\frac{5}{21}$.

Câu 14: Cho hình vẽ bên:



- a) Điểm A thuộc đường thẳng d
b) Điểm B không thuộc đường thẳng d
c) Điểm B thuộc đường thẳng d
d) Điểm A thuộc đường thẳng d , điểm B không thuộc đường thẳng d

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15: Gieo con súc sắc có 6 mặt 100 lần, kết quả thu được ghi ở bảng sau

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	17	18	15	14	16	20

Xác suất của thực nghiệm của các sự kiện gieo được mặt có 3 chấm là

Câu 16: Tung hai đồng xu cân đối 50 lần ta được kết quả như sau:

Sự kiện	Hai đồng sấp	Một đồng sấp, một đồng ngửa	Hai đồng ngửa
Số lần	20	20	10

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Hai đồng xu đều ngửa” là

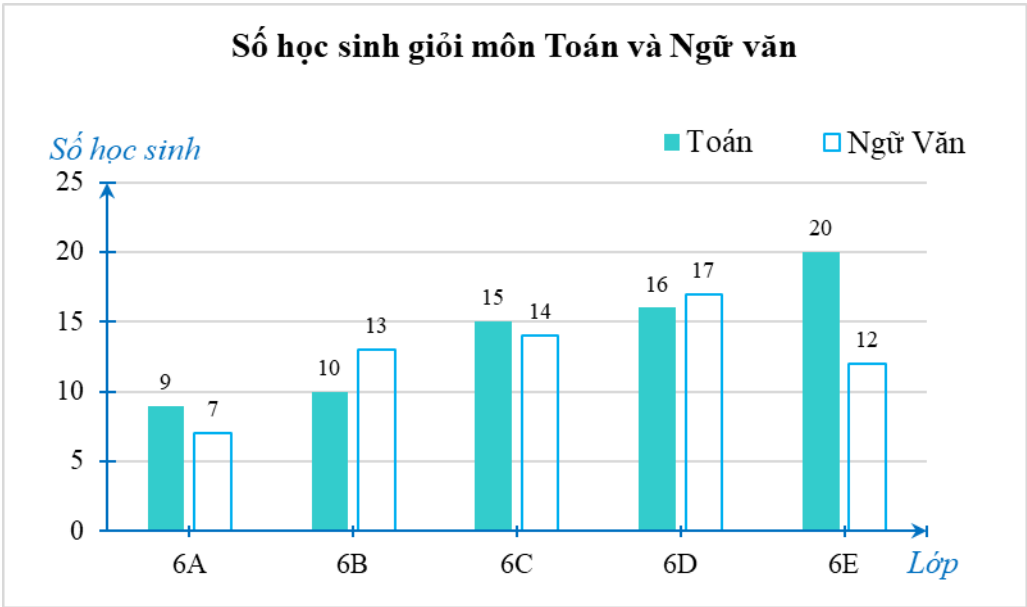
Câu 17: Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{-3}{7}$ với số nào để được phân số $\frac{30}{-70}$

Câu 18: Tìm số nguyên x thỏa mãn : $\frac{5}{-7} < \frac{x}{7} < \frac{-3}{7}$.

B. Tự luận (3 điểm). Thí sinh làm bài từ câu 13 đến câu 15.

Câu 19: (1,0đ)

Biểu đồ dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Ngữ văn của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E.



a) Số học sinh giỏi môn Toán của lớp nào nhiều nhất? Ít nhất?

b) Lớp nào có nhiều học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán?

Câu 20: (1,0đ)

Mai gieo con xúc xắc 80 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	12	15	14	18	10	11

Tính xác suất thực nghiệm:

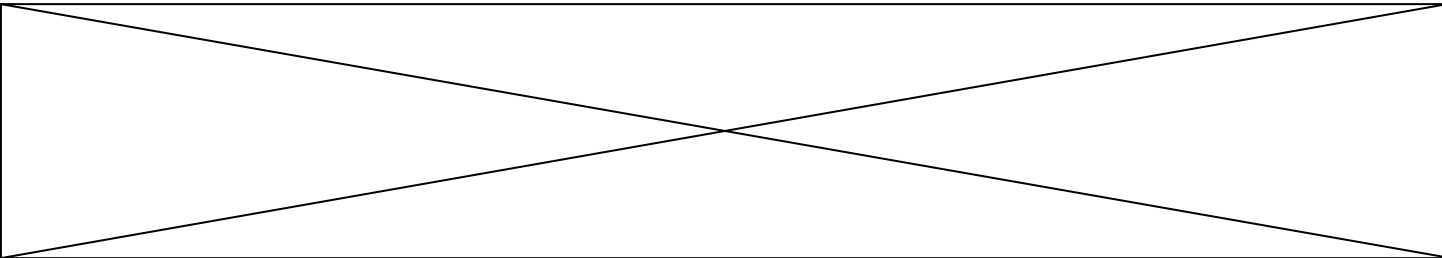
a) xuất hiện số chấm là 5.

b) xuất hiện số chấm là số chẵn.

Câu 21: (1,0đ)

a/ Tìm số nguyên x, biết $\frac{x}{-2} = \frac{-1}{2}$

b/ Tính: $\frac{3}{-5} + \frac{-1}{2}$



A series of horizontal dotted lines for writing, consisting of 25 evenly spaced lines spanning the width of the page.

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Đề 601

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	D	A	B	C	D	A	B	C	D

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Mỗi ý điền đúng được 0,25 điểm)

Câu 13.

a	b	c	d
Đ	S	Đ	Đ

Câu 14.

a	b	c	d
Đ	Đ	S	Đ

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu 15: 1/5

Câu 16: 2/5

Câu 17: -15

Câu 18: -5

Đề 602

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	B	A	D	C	B	A	D	C	B	A

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Mỗi ý điền đúng được 0,25 điểm)

Câu 13.

a	b	c	d
S	Đ	S	S

Câu 14.

a	b	c	d
S	S	Đ	S

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu 15: 3/20

Câu 16: 1/5

Câu 17: -10

Câu 18: -4

B. Tự luận

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
19	a) Số học sinh giỏi môn Toán của lớp 6E nhiều nhất và của lớp 6A ít nhất.	0.5
	b) Các lớp có số học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán là 6B, 6D.	
	Lớp 6B có số học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán là: $13 - 10 = 3$ (học sinh).	0.25
	Lớp 6D có số học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán là: $17 - 16 = 1$ (học sinh). Vậy lớp 6B có nhiều học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán.	0.25
20	a) Xác suất thực nghiệm xuất hiện số chấm là 5 là: $\frac{10}{80} = \frac{1}{8}$.	0.5
	b) Các số chấm là số chẵn là 2; 4; 6.	0.25
	Xác suất thực nghiệm xuất hiện số chấm là số chẵn là: $\frac{15 + 18 + 11}{80} = \frac{44}{80} = \frac{11}{20}$.	0.25
21	a) $\frac{x}{-2} = \frac{-1}{2}$	
	$\frac{-x}{2} = \frac{-1}{2}$	0.25
	$-x = -1$	
	$x = 1$	0.25
	b) $\frac{3}{-5} + \frac{-1}{2}$	
	$= \frac{-3}{5} + \frac{-1}{2}$	0.25
	$= \frac{-6}{10} + \frac{-5}{10}$	
	$= \frac{-11}{10}$	0.25